

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2026/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2017/QH14, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 60/2024/QH15, Luật số 74/2025/QH15, Luật số 89/2025/QH15, Luật số 94/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 118/2025/QH15, Luật số 130/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15, Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 130/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15, Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 99/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP, Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số

175/2024/NĐ-CP, Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP, Nghị định số 70/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 33/2026/NĐ-CP, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP, Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP, Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 918/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 11, khoản 16, khoản 17, khoản 21 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và

lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ, các điều kiện cần và đủ đảm bảo việc thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; cấp đổi, cấp lại, đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (bao gồm: cấp mới hoặc xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp).

2. Tổ chức thu phí: Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thực hiện thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

3. Mức thu phí đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích

STT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	Hộ gia đình, cá nhân			Thuộc các đối tượng được công nhận quyền sử dụng đất (trừ các dự án)
1.1	Đối với đất ở:	đồng/hồ sơ	150.000	
1.2	Đối với đất sản xuất, kinh doanh:	đồng/hồ sơ	200.000	
2	Các tổ chức	đồng/hồ sơ	200.000	
3	Các dự án			
3.1	Dưới 02 ha	đồng/hồ sơ	1.500.000	
3.2	Từ 02 ha đến dưới 05 ha	đồng/hồ sơ	2.500.000	
3.3	Từ 05 ha trở lên	đồng/hồ sơ	5.000.000	

4. Mức thu phí đối với trường hợp nộp qua dịch vụ công trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND quy định mức thu phí, lệ phí trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

5. Đối tượng miễn, giảm thu phí

a) Miễn thu phí đối với người có công với cách mạng; người khuyết tật; người sử dụng đất thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo chủ trương Nhà nước hoặc do điều chỉnh diện tích đất đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất, trưng dụng đất; tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông; tặng cho quyền sử dụng đất để làm nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.

b) Giảm 50% mức thu phí đối với người cao tuổi, hộ nghèo, hộ cận nghèo.

6. Thu nộp, quản lý và sử dụng phí

a) Tổ chức thu phí là Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực được để lại 65%, nộp vào ngân sách nhà nước 35% số tiền thu được;

b) Tổ chức thu phí là Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh nộp 100% số tiền thu được vào ngân sách nhà nước.

Điều 3. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai

1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai.

2. Tổ chức thu phí: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai

3. Mức thu phí đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 200.000 đồng/hồ sơ, tài liệu (bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu theo quy định).

4. Mức thu phí đối với trường hợp nộp qua dịch vụ công trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND quy định mức thu phí, lệ phí trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

5. Đối tượng miễn, giảm thu phí

a) Miễn thu phí đối với người có công với cách mạng, người khuyết tật, Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên;

b) Giảm 50% mức thu phí đối với người cao tuổi, hộ nghèo, hộ cận nghèo.

6. Thu nộp, quản lý và sử dụng phí

a) Tổ chức thu phí là Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực được để lại 80%, nộp vào ngân sách nhà nước 20% số tiền thu được;

b) Tổ chức thu phí là Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh nộp 100% số tiền thu được vào ngân sách nhà nước.

Điều 4. Phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân có yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, yêu cầu cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Tổ chức thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực và cơ quan, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ thu phí.

3. Mức thu phí đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích

STT	Nội dung	Mức thu
1	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
1.1	Đăng ký giao dịch bảo đảm	80.000 đồng/thửa đất
1.2	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	60.000 đồng/thửa đất
1.3	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	30.000 đồng/thửa đất
1.4	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	20.000 đồng/thửa đất
2	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	30.000 đồng/thửa đất

4. Mức thu phí đối với trường hợp nộp qua dịch vụ công trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND quy định mức thu phí, lệ phí trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

5. Đối tượng miễn, giảm thu phí và các trường hợp không thu phí

a) Miễn thu phí đối với người có công với cách mạng, người khuyết tật;

b) Giảm 50% mức thu phí đối với người cao tuổi, hộ nghèo, hộ cận nghèo;

c) Các trường hợp không thu phí, gồm: Hộ gia đình, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định

số 116/2018/NĐ-CP, Nghị định số 156/2025/NĐ-CP; Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm do lỗi của cán bộ đăng ký; Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên.

6. Thu nộp, quản lý và sử dụng phí

Cơ quan, tổ chức thu phí được để lại 85%, nộp vào ngân sách nhà nước 15% số tiền thu được.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

b) Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

c) Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

d) Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

đ) Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

3. Đối với hồ sơ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo quy định tại Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND.

4. Trường hợp các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

6. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Ngô Chí Cường